

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2025/DS-PT

Ngày 27/02/2025

V/v: “*Tranh chấp chia tài sản chung, đòi tài sản là quyền sử dụng đất, đòi tiền cho thuê kiot*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Giàu

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thanh Minh Châu;

Bà Phạm Thị Hồng Vân.

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Trần Khánh Duy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 770/2024/TLPT-DS ngày 18 tháng 12 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp chia tài sản chung, đòi tài sản là quyền sử dụng đất, đòi tiền cho thuê kiot*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 117/2024/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐPT-DS ngày 07 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Phạm Thanh N**, sinh năm 1990; Địa chỉ: số I, đường H, ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh N: Chị Nguyễn Kim Khánh L, sinh năm 2000; Địa chỉ: khu phố A, phường D, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (Hợp đồng ủy quyền số công chứng 10082, ngày 27/10/2023); có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Thế Dạ C**, sinh năm 1985; Địa chỉ: số A, ấp L, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh và bà **Trần Thị Đỗ T**, sinh năm 1965; Địa chỉ: Số A, đường T, ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. Anh C; vắng mặt. Bà T; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh **Dương Tuấn A**, sinh năm 1983, chị **Nguyễn Thị Bích L1**, sinh năm 1980; cùng địa chỉ: ấp L, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Bà **Trần Thị Đỗ Q**, sinh năm 1967; Địa chỉ: số I, đường H, ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Q: Chị Nguyễn Kim Khánh L, sinh năm 2000; Địa chỉ: khu phố A, phường D, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (Hợp đồng ủy quyền số công chứng 6803, ngày 10/7/2023); có mặt.

4. Người kháng cáo: Anh Phạm Thanh N là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/11/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Anh Phạm Thanh N là em họ của anh Trần Thế Dạ C. 02 anh được bà ngoại là cụ Trần Thị O tặng cho phần đất diện tích 69,8m² đất, thửa đất số 1026, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp L, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS09158 ngày 05/9/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho anh N và anh C cùng đứng tên.

Năm 2018, bà T ở cùng với cụ O, cho thuê kiot trên phần đất nêu trên và sử dụng số tiền cho thuê để chăm sóc, nuôi dưỡng cụ. Sau khi cụ O chết vào tháng 9 năm 2023, bà T vẫn thu tiền cho thuê kiot.

Anh N yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của anh và anh Trần Thế Dạ C là phần đất nêu trên; Buộc bà Trần Thị Đỗ T thanh lý hợp đồng cho thuê kiot, trả lại nhà đất, trả tiền cho thuê kiot từ tháng 9 năm 2023 là 18.000.000 đồng.

Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: anh N muốn nhận hết đất và 02 kiot trên đất, thanh toán ½ giá trị đất cho anh C theo giá được Hội đồng nhà nước đã định vào ngày 02/5/2024, số tiền là 381.108.000 đồng và ½ giá trị kiot theo giá do Công ty cổ phần T1 định, số tiền là 106.162.763 đồng. Đề nghị bà T trả ½ tiền cho thuê kiot từ tháng 9/2023 đến khi xét xử sơ thẩm, số tiền là 22.400.000 đồng. Đồng thời, yêu cầu chị L1 và anh A trả kiot cho anh N quản lý, sử dụng.

Bị đơn bà Trần Thị Đỗ T trình bày:

Bà là mẹ ruột của anh Trần Thế Dạ C, là chị ruột của bà Trần Thị Đỗ Q - mẹ anh Phạm Thanh N.

Đối với yêu cầu về chia tài sản chung là phần đất: bà T không có ý kiến gì, vì đây là tài sản chung của anh N và anh C; Đối với kiot: yêu cầu nguyên đơn trả lại tiền bà đã sửa kiot, tuy nhiên tại biên bản đối chất và tại phiên tòa, bà T không yêu cầu đối với số tiền này nữa; đối với số tiền thuê kiot: bà xác định kiot kinh doanh điện thoại di động thì mỗi tháng cho thuê 3.200.000 đồng. Lúc trước bà D thuê, có

làm hợp đồng, nhưng từ tháng 5/2024 chị L1 thuê kinh doanh điện thoại di động, với giá 3.200.000 đồng/tháng, không có hợp đồng. Đối với anh A đang ở trên kiot làm tiệm tóc khoảng 20 năm nay, đã chăm sóc cụ O khi cụ còn sống, có tình nghĩa với gia đình nên bà không lấy tiền của anh A. Chị L1 và anh A mong muốn được tiếp tục ở, anh C đồng ý. Mặt khác, trước khi cụ O chết thì ngoài diện tích đất tặng cho anh N và anh C thì cụ O còn tặng cho toàn bộ diện tích đất còn lại của mình (giáp ranh với phần đất tranh chấp) cho bà Q - mẹ của anh N. Bà T đã được cụ O cho quản lý, buôn bán và thu tiền cho thuê các kiot để cụ O dưỡng già. Sau khi cụ O chết, bà T vẫn tiếp tục quản lý sử dụng đến nay, đã đồng ý trả lại đất và các kiot cho bà Q. Nay anh C - con bà T có nguyện vọng nhận đất để tiếp tục kinh doanh làm nguồn sinh sống ổn định cho 02 mẹ con nên bà mong muốn Tòa giao đất cho anh C. Bà đồng ý trả lại cho nguyên đơn $\frac{1}{2}$ số tiền cho thuê kiot là tiệm kinh doanh điện thoại, số tiền 22.400.000 đồng theo yêu cầu của nguyên đơn.

Bị đơn anh Trần Thế Dạ C trình bày:

Anh C thống nhất lời trình bày của bà T. Anh C muốn nhận hết đất để có nơi ở, đồng ý thanh toán cho anh N $\frac{1}{2}$ giá trị đất theo giá do Hội đồng nhà nước đã định vào ngày 02/5/2024, số tiền là 381.108.000 đồng và $\frac{1}{2}$ giá trị kiot được Công ty cổ phần T1 định, số tiền là 106.162.763.000 đồng theo yêu cầu của nguyên đơn và đồng ý tháo dỡ phần đất có kiot lấn sang đất bà Q, đang cho chị L1 thuê, kinh doanh điện thoại di động.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Đỗ Q trình bày:

Bà là mẹ ruột của anh Phạm Thanh N, là em ruột của bà Trần Thị Đỗ T - mẹ ruột của anh Trần Thế Dạ C. Phần đất tranh chấp là tài sản chung của anh N và anh C, bà không có ý kiến, vì đây là tài sản chung của 02 anh. Nếu Tòa án giao đất cho anh N thì bà không yêu cầu anh N tháo dỡ một phần kiot đã xây lấn đất của bà, vì bà và anh N là mẹ con. Nếu Tòa án giao đất cho anh C thì bà yêu cầu bị đơn trả phần đất đã lấn đất của bà có diện tích $1,2m^2$, hình tam giác nhọn, có tứ cận: hướng Bắc giáp đường N, dài 0,27m; hướng Nam giáp thửa 177, là một điểm của hình tam giác nhọn; hướng Đông giáp thửa 1026, dài 8,62m; hướng Tây giáp thửa 1025, dài $(3.74m + 4.88m) = 8,62m$.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Bích L1 trình bày: Chị L1 đang thuê kiot, kinh doanh điện thoại di động, chị muốn tiếp tục được thuê kiot để ổn định việc kinh doanh, ngoài ra, chị L1 không yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Dương Tuấn A trình bày:

Anh ở trên đất này làm nghề tóc khoảng 20 năm và đây là nơi sinh sống duy nhất của anh. Anh chăm sóc cụ O khi cụ còn sống, rất thâm tình với gia đình cụ, nên cụ và bà T cho anh ở trên đất làm nghề tóc sinh sống, không thu tiền thuê kiot. Anh mong muốn tiếp tục được ở để làm nghề tóc, ổn định cuộc sống, ngoài ra, anh không yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số:117/2024/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Toà án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Thanh N đối với anh Trần Thế Dạ C và bà Trần Thị Đỗ T về chia tài sản chung và đòi tiền cho thuê kiot.

Anh Trần Thế Dạ C được toàn quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích theo bản đồ địa chính là $69,8m^2$ (ONT), thửa số 1026, tờ bản đồ số 16, có tứ cận: Hướng Bắc giáp đường N, dài 08m; Hướng Nam giáp thửa 177, dài 08m; Hướng Đông giáp lộ 04m, dài 8,8m; Hướng Tây giáp thửa 1025, dài 8,62m do anh Phạm Thanh N và anh Trần Thế Dạ C cùng đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS09158, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 05/9/2018.

Anh Trần Thế Dạ C có nghĩa vụ thanh toán cho anh Phạm Thanh N số tiền 487.270.763 đồng (Bốn trăm tám mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi nghìn bảy trăm sáu mươi ba đồng).

Bà Trần Thị Đỗ T có nghĩa vụ thanh toán cho anh Phạm Thanh N số tiền 22.400.000 đồng (Hai mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng) và số tiền cho thuê kiot phát sinh từ ngày 01/11/2024 đến ngày bản án này có hiệu lực pháp luật, mỗi tháng 3.200.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Trần Thị Đỗ Q đối với anh Trần Thế Dạ C về đòi tài sản là quyền sử dụng đất.

Ghi nhận anh Trần Thế Dạ C tự nguyện tháo dỡ một phần kiot đã xây lấn đất của bà Q, có diện tích $1,2m^2$, hình tam giác nhọn, có tứ cận: hướng Bắc giáp đường N, dài 0,27m; hướng Nam giáp thửa 177, là một điểm của hình tam giác nhọn; hướng Đông giáp thửa 1026, dài 8,62m; hướng Tây giáp thửa 1025, dài $(3.74m + 4.88m) = 8,62m$, để trả lại đất cho bà Q.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí; chi phí tố tụng; quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 14/11/2024 anh Phạm Thanh N làm đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao đất và kiot trên đất cho anh và Nghiêm hoàn lại $\frac{1}{2}$ giá trị đất cho anh Trần Thế Dạ C.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện của nguyên đơn chị Nguyễn Trần Khánh L2 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn anh Phạm Thanh N.

- Bị đơn anh Trần Thế Dạ C và bà Trần Thị Đỗ T yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Ý kiến của vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Phạm Thanh N, giữ nguyên bản án sơ thẩm số:117/2024/DS-ST ngày 31/10/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Phạm Thanh N là hợp lệ, đúng theo quy định tại các Điều: 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

Anh Phạm Thanh N khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung đối với phần đất diện tích 69,8m², thửa đất số 1026, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp L, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS09158 ngày 05/9/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho anh Phạm Thanh N và anh Trần Thế Dạ C cùng đứng tên đồng sử dụng. Quá trình giải quyết vụ án, anh N và anh C đều thừa nhận phần đất tranh chấp là tài sản chung do cụ O tặng cho và đồng ý chia tài sản chung. Nhưng do phần đất tranh chấp có diện tích theo giấy là 69,8m², tiếp giáp đường Ngô Quyền có lộ giới quy hoạch 30m, không đủ điều kiện tách thửa theo quy định nên cấp sơ thẩm giao toàn bộ phần đất cho anh C quản lý, sử dụng và buộc anh C thanh toán lại ½ giá trị cho anh N, anh N không đồng ý nên làm đơn kháng cáo yêu cầu được nhận đất không đồng ý nhận tiền theo bản án sơ thẩm đã tuyên.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Phạm Thanh N thấy rằng:

Anh N không quản lý, sử dụng đất và các tài sản như kiot có trên đất tranh chấp. Bà T mẹ của anh C đã được cụ O cho quản lý, buôn bán và thu tiền cho thuê các kiot để nuôi cụ O lúc còn sống. Sau khi cụ O chết, bà T anh C vẫn tiếp tục quản lý sử dụng đất đến nay. Riêng bà Q là mẹ anh N đã được cụ O tặng cho phần đất giáp ranh với đất đang tranh chấp, anh N hiện đang sống chung với mẹ là bà Q trên phần đất được cụ O tặng cho. Hiện tại bà T anh C không có chỗ ở phải ở nhà thuê, nay anh C có nguyện vọng nhận đất để tiếp tục kinh doanh làm nguồn sinh sống ổn định cho 02 mẹ con, nên cấp sơ thẩm giao cho anh C được toàn quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích 69,8m² và tài sản trên đất. Anh C có nghĩa vụ thanh toán cho anh N ½ giá trị số tiền 487.270.763 đồng là phù hợp và có căn cứ. Anh N kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của anh N không được Tòa án chấp nhận nên anh N phải chịu án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng).

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, không kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày kết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Thanh N; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 177/2024/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Tòa nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Điều 207, 209, 219 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 220 Luật Đất đai năm 2024; điểm a khoản 2 Điều 6 Quyết định số 49/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 quy định về điều kiện, diện tích tối thiểu của việc tách thửa, hợp thửa đất đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Thanh N đối với anh Trần Thế Dạ C và bà Trần Thị Đỗ T về chia tài sản chung và đòi tiền cho thuê kiot.

- Anh Trần Thế Dạ C được toàn quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích theo bản đồ địa chính là 69,8m² (ONT), thửa số 1026, tờ bản đồ số 16, có tứ cận: Hướng Bắc giáp đường N, dài 08m; Hướng Nam giáp thửa 177, dài 08m; Hướng Đông giáp lộ 04m, dài 8,8m; Hướng Tây giáp thửa 1025, dài 8,62m do anh Phạm Thanh N và anh Trần Thế Dạ C cùng đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS09158, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 05/9/2018.

- Các đương sự có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

- Anh Trần Thế Dạ C có nghĩa vụ thanh toán cho anh Phạm Thanh N số tiền 487.270.763 đồng (Bốn trăm tám mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi nghìn bảy trăm sáu mươi ba đồng).

- Bà Trần Thị Đỗ T có nghĩa vụ thanh toán cho anh Phạm Thanh N số tiền 22.400.000 đồng (Hai mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng) và số tiền cho thuê kiot phát sinh từ ngày 01/11/2024 đến ngày bản án này có hiệu lực pháp luật, mỗi tháng 3.200.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Trần Thị Đỗ Q đối với anh Trần Thế Dạ C về đòi tài sản là quyền sử dụng đất.

- Ghi nhận anh Trần Thế Dạ C tự nguyện tháo dỡ một phần kiot đã xây lấn đất của bà Q, có diện tích 1,2m², hình tam giác nhọn, có tứ cận: hướng Bắc giáp

đường N, dài 0,27m; hướng Nam giáp thửa 177, là một điểm của hình tam giác nhọn; hướng Đông giáp thửa 1026, dài 8,62m; hướng Tây giáp thửa 1025, dài $(3.74m + 4.88m) = 8,62m$, để trả lại đất cho bà Q.

(Có sơ đồ hiện trạng sử dụng đất số: 16-2526/TA/SDHT/2024 kèm theo).

- Đối với các công trình trên phần đất xây lấn lộ giới quy hoạch thì các đương sự có nghĩa vụ chấp hành đúng chủ trương của Nhà nước khi có yêu cầu.

3. Về chi phí tố tụng: Anh Trần Thế Dạ C có nghĩa vụ thanh toán lại cho anh N số tiền 14.300.000 đồng (Mười bốn triệu ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Phạm Thanh N phải chịu 23.641.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 2.950.000 đồng anh N đã nộp theo biên lai thu số 0010622 ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, anh N còn phải nộp thêm 20.691.000 đồng (Hai mươi triệu sáu trăm chín mươi một nghìn đồng).

- Anh Trần Thế Dạ C phải chịu 23.641.000 đồng (Hai mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi một nghìn đồng).

- Bà Trần Thị Đỗ T phải chịu 1.120.000 đồng (Một triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

- Hoàn trả cho bà Q số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011456 ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Phạm Thanh N phải chịu án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011790 ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận anh N đã nộp xong án phí phúc thẩm.

6. Các phần khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, không kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP HCM;
- VKSNDCC tại TP HCM;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- TAND thị xã Hòa Thành;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THADS thị xã H. Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Giàu